

Bản án số: 02/2024/HS-ST

Ngày: 18-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thắng; Bà Bùi Thị Diệu;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Hồng Cúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 18/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Tăng Thị Bích Hạnh; Sinh ngày: 25/5/1978 tại Hà Tây (nay là Hà Nội). Nơi ĐKNKTT: xóm Tôm Dưới, xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Giáo viên. Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Tăng Văn Gan, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Tô Thị Chiến, sinh năm 1955; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 04 chị em; Chồng: Bùi Tiến Thành, sinh năm 1975; Con: Bị cáo có 04 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/8/2023. Có mặt.

- Bị hại: chị Bạch Thị Mai, sinh năm 1985, trú tại xóm Thung 2, xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Bùi Tiến Thành, sinh năm 1975. Địa chỉ: xóm Tôm Dưới, xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- Người làm chứng: anh Hà Văn Thanh, sinh năm 1980. Địa chỉ: xóm Cốc, xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2012, Tăng Thị Bích Hạnh, sinh năm 1978, trú tại xóm Tôm Dưới, xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình và Bạch Thị Mai, sinh năm 1985, trú tại xóm Thung 2, xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình có quen biết với nhau. Qua tâm sự chị Bạch Thị Mai nói đang có nhu cầu xin vào làm giáo viên trong cơ sở giáo dục công lập nên Tăng Thị Bích Hạnh nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt tài sản của Bạch Thị Mai. Tăng Thị Bích Hạnh đã liên hệ với Bạch Thị Mai và hỏi Bạch Thị Mai có muốn xin vào làm giáo viên trong cơ sở giáo dục công lập hệ mầm non không? Tăng Thị Bích Hạnh đã đưa ra thông tin gian dối với Bạch Thị Mai là Tăng Thị Bích Hạnh có khả năng xin được cho Bạch Thị Mai vào làm giáo viên trong cơ sở giáo dục công lập hệ mầm non và bảo Bạch Thị Mai chuẩn bị số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) để làm kinh phí xin việc. Sau đó, Bạch Thị Mai liên hệ với Tăng Thị Bích Hạnh và nhờ Tăng Thị Bích Hạnh xin vào làm giáo viên trong cơ sở giáo dục công lập hệ mầm non. Sau khi Bạch Thị Mai đã chuẩn bị được tổng số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) thì Bạch Thị Mai đến nhà Tăng Thị Bích Hạnh có địa chỉ tại xóm Tôm Dưới, xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình để đưa tiền cho Tăng Thị Bích Hạnh nhưng chia thành nhiều đợt khác nhau. Sau khi nhận tiền từ Bạch Thị Mai thì Tăng Thị Bích Hạnh đã viết giấy biên nhận với nội dung đã nhận của Bạch Thị Mai và hứa trong thời gian sớm nhất sẽ xin được vào làm giáo viên trong cơ sở giáo dục công lập cho Bạch Thị Mai và cam kết nếu không xin được việc sẽ lập tức hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Bạch Thị Mai đã đưa cho Tăng Thị Bích Hạnh. Sau khi nhận tổng số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) của Bạch Thị Mai thì Tăng Thị Bích Hạnh không có hoạt động tiến hành xin cho Bạch Thị Mai vào làm giáo viên trong cơ sở giáo dục công lập. Bạch Thị Mai có đăng ký và thi tuyển hai lần vào ngành giáo dục, tuy nhiên cả hai lần thi thì Bạch Thị Mai đều không trúng tuyển. Bạch Thị Mai đã đến nhà Tăng Thị Bích Hạnh đòi lại số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) mà Tăng Thị Bích Hạnh đã nhận của Bạch Thị Mai. Do gia đình Tăng Thị Bích Hạnh có việc cần đến tiền nên Tăng Thị Bích Hạnh đã sử dụng toàn bộ số tiền của Bạch Thị Mai tiêu xài cá nhân hết. Tăng Thị Bích Hạnh có viết cho Bạch Thị Mai các loại Giấy cam kết trả nợ và Giấy vay tiền nhằm hẹn thời gian trả số tiền còn lại.

Tại công văn số: 601/PGD&ĐT-QLVC, ngày 31/08/2023 của Phòng giáo dục và đào tạo huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình đã xác định: ngành GD&ĐT có 01 giáo viên mang tên Tăng Thị Bích Hạnh, sinh ngày 25/05/1978, nơi thường trú: Xóm Tôm Dưới – Tân Lập – Lạc Sơn – Hoà Bình, chức vụ: Giáo viên, đơn vị công tác: Trường Mầm non xã Tuân Đạo, trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) huyện quản lý. Từ năm 2012 đến 2023, Tăng Thị Bích Hạnh không có chức năng, thẩm quyền tuyển dụng người vào làm giáo viên tại các trường mầm non công lập trực thuộc UBND huyện Lạc Sơn quản lý.

Tại công văn số: 1830/UBND-NV, ngày 13/10/2023 của UBND huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình đã xác định:

- Việc tuyển dụng giáo viên vào làm việc trong các trường công lập hệ mầm non trong giai đoạn 2012 – 2019 trên địa bàn huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình, được thực hiện bằng hình thức: Xét tuyển thông qua phỏng vấn.

- Quá trình tuyển dụng làm giáo viên tại các trường công lập hệ mầm non thì người nộp hồ sơ xin xét tuyển phải nộp lệ phí xét tuyển theo quy định.

Tuy nhiên, tại Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện Lạc Sơn từ năm 2012 đến 2018, Ủy ban nhân dân huyện đã bố trí ngân sách chi cho công tác xét tuyển giáo viên. Vì vậy, không tổ chức thu lệ phí đối với giáo viên đăng ký dự tuyển, cụ thể:

- + Giai đoạn từ năm 2012 – 2017, Hội đồng tuyển dụng viên chức không thu lệ phí xét tuyển đối với giáo viên.

- + Năm 2018: Không tổ chức xét tuyển giáo viên.

- + Năm 2019: Huyện Lạc Sơn gửi thi tại Hội đồng tuyển dụng huyện Cao Phong.

Tại bản kết luận giám định số: 353/KL-KTHS ngày 15 tháng 08 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hoà Bình, kết luận:

- Giấy cam kết trả nợ ngày 04/4/2020 (Ký hiệu A1); Giấy vay tiền ngày 13/01/2019 (Ký hiệu A2) và Giấy biên nhận ngày 08/01/2013 (Ký hiệu A3) là bản viết trực tiếp, không phải bản photocopy.

- Chữ viết trên Giấy cam kết trả nợ ngày 04/4/2020 (Ký hiệu A1); chữ viết ghi nội dung, chữ viết dưới mục Người viết giấy tại mặt trước và chữ viết tại mặt sau Giấy vay tiền ngày 13/01/2019 (Ký hiệu A2); Chữ viết từ dòng 1 đến dòng 14, chữ viết tại các dòng 20, 21, 22 mặt trước và chữ viết tại mặt sau Giấy biên nhận ngày 08/01/2013 (Ký hiệu A3) với chữ viết của Tăng Thị Bích Hạnh trên Bản tự khai/bản tường trình ngày 12/07/2023 (Ký hiệu M) do cùng một người viết ra.

- Chữ viết dưới mục Người cho vay, mục Người làm chứng trên Giấy vay tiền ngày 13/01/2019 (Ký hiệu A2); chữ viết dưới mục Người làm chứng, mục Người giao tiền trên Giấy biên nhận ngày 08/01/2013 (Ký hiệu A3) với chữ viết của Tăng Thị Bích Hạnh trên Bản tự khai/bản tường trình ngày 12/07/2023 (Ký hiệu M) không phải do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, Tăng Thị Bích Hạnh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, mặc dù không có nhiệm vụ, quyền hạn xin được các xuất tuyển dụng công chức giáo viên Mầm Non nhưng Tăng Thị Bích Hạnh đã đưa ra thông tin về việc có

đợt tổ chức thi tại huyện Lạc Sơn, đồng thời cam kết xin được biên chế được để tạo lòng tin đối với Bạch Thị Mai. Sau đó chiếm đoạt số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) của Bạch Thị Mai.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai do bản thân và gia đình bị cáo đang cần tiền để chi phí trong cuộc sống hàng ngày và lo cho con cái nên bị cáo đã nảy sinh ý định dựa vào mối quan hệ với bị hại, tạo lòng tin nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị hại trình bày việc bị cáo phạm tội đối với bản thân đúng như nội dung của bản cáo trạng; đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo còn có 3 con nhỏ và giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 172.400.000đ (Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: không hay biết về hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh. Sau khi bị bắt, Tăng Thị Bích Hạnh có tác động yêu cầu gia đình cố gắng bồi thường cho người bị hại, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nuôi 3 đứa con ở độ tuổi đi học, con gái lớn không có công ăn việc làm ổn định nên chưa thể chuẩn bị đủ tiền để bồi thường. Về khoản tiền trực tiếp đứng ra trả cho bị hại, anh Thành không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 76/CT-VKS ngày 24/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình truy tố Tăng Thị Bích Hạnh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357; 468; 584; 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự đề nghị HĐXX buộc bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Bạch Thị Mai số tiền 172.400.000đ (Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội và không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin hưởng mức án nhẹ nhất để có thể cải tạo sớm trở về nuôi dạy 3 đứa con nhỏ, gia đình bị cáo khó khăn, hai bên gia đình không có điều kiện hỗ trợ thêm, con gái lớn chưa có công ăn việc làm ổn định, một mình chồng bị cáo không đủ khả năng nuôi dạy và chi phí cho cả 3 đứa con ăn học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX đủ cơ sở kết luận: Tăng Thị Bích Hạnh là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự. Từ năm 2012 đến nay, Tăng Thị Bích Hạnh là giáo viên của Trường Mầm non xã Thuận Đạo, huyện Lạc Sơn, không có chức năng, thẩm quyền tuyển dụng người vào làm giáo viên tại các trường mầm non công lập trực thuộc UBND huyện Lạc Sơn quản lý, nhưng đã đưa ra thông tin về việc có thể xin được suất giáo viên mầm non hệ công lập nhằm tạo lòng tin đối với Bạch Thị Mai để chiếm đoạt số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) của Bạch Thị Mai.

Hành vi nêu trên của bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của các cơ quan nhà nước, gây dư luận xấu ở địa phương. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, nên cần xử phạt một mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa chung và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự*:

Về nhân thân: Bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải; bị cáo cố gắng bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả đã gây ra; gia đình bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh có người tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, có 03 đứa con còn nhỏ đang ở độ tuổi đi học. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] *Về hình phạt*:

Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, xét thấy áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình để cùng chồng khắc phục khó khăn của gia đình và nuôi dạy con cái trưởng thành. Mức đề nghị hình phạt của Kiểm sát viên là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản riêng, có 03 con nhỏ đang độ tuổi đi học, bị cáo đang bị tạm giam. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 172.400.000đ (Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng), yêu cầu này là chính đáng, hợp pháp nên cần chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo qui định.

[9] *Về quyền kháng cáo* Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh 07(Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam - 30/8/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357; 468; 584; 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh phải bồi thường cho chị Bạch Thị Mai số tiền 172.400.000đ (Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Tăng Thị Bích Hạnh phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.620.000đ (Tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự. Tổng cộng bị cáo phải chịu 8.820.000đ (Tám triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) án phí.

4. Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Hình sự: bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Trại Tạm giam CA tỉnh HB;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thắng

Bùi Thị Diệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Trại Tạm giam CA tỉnh HB;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Thắng

Bùi Thị Diệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS

ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS

ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (bị cáo):

⁽¹¹⁾.....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học

vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con

ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án....., tiền sự.....;

nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾.....

- Bị hại:⁽¹⁷⁾.....

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾.....

- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾
-
- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾
-
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁴⁾
-
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):⁽²⁵⁾
-
- Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾
-

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

- [1].....
-
- [2].....
-

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾

.....

(30)

.....

(31)

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

Bản án số: 72/2023/HS-ST
Ngày: 05-12-2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn; Ông Bùi Văn Quyết;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Đinh Thế Tâm- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 05/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Văn Thiên, sinh ngày 15/3/1964 tại Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: xóm Khi, xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Bân, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Bùi Thị Mùi, sinh năm 1947 (đã chết); Vợ là Bùi Thị Sửu, sinh năm 1964 và 02 con, con lớn sinh năm 1986 và con nhỏ sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/09/2023 đến ngày 20/09/2023 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Bùi Văn Thành, sinh năm 1994. Địa chỉ: xóm Mạn Thông, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bùi Văn Sọt, sinh năm 1963. Địa chỉ: xóm Mạn Thông, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

+ Bùi Thị Chính, sinh năm 1994. Địa chỉ: xóm Mạn Thông, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01/2017, Bùi Văn Thành và vợ là Bùi Thị Chính đã nhờ Bùi Văn Thiên (Thiên lúc đó đang là cán bộ phòng Nội vụ - Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn) lo cho Chính thi đỗ công chức y tế cấp xã. Thiên đồng ý và yêu cầu Thành chuẩn bị số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) thì Chính sẽ được thi và đỗ

công chức y tế cấp xã năm 2017. Thành tin tưởng nên đã đưa tiền cho Thiên 02 lần: lần thứ nhất đưa 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) tại phòng làm việc của Thiên thuộc phòng Nội vụ - Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn; lần thứ 02 đưa 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tại sân nhà Thiên. Tổng số tiền 02 lần đưa là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Khi đưa tiền, không có giấy tờ hay biên nhận gì kèm theo. Trên thực tế, năm 2017 không có việc tổ chức thi tuyển công chức y tế cấp xã và cho đến nay Chính không được tham gia thi tuyển công chức y tế cấp xã như Thiên đã hứa hẹn với Thành. Số tiền 150.000.000đ Thành đưa, Thiên cũng không trả lại nên Thành làm đơn tố cáo việc Thiên có hành vi chiếm đoạt số tiền nêu trên.

Quá trình điều tra, Bùi Văn Thiên đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, mặc dù không có nhiệm vụ, quyền hạn ký các Quyết định tuyển dụng công chức y tế cấp xã nhưng Thiên đã đưa ra thông tin về việc có đợt tổ chức thi công chức y tế cấp xã tại huyện Lạc Sơn vào tháng 02/2017, tạo lòng tin đối với Bùi Văn Thành. Sau đó chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) của Thành.

Tại bản cáo trạng số: 73/CT-VKS ngày 07/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình truy tố Bùi Văn Thiên về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn Thiên từ 24 đến 27 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bùi Văn Thiên và gia đình đã đền bù toàn bộ số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho bị hại Bùi Văn Thành. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có bất cứ yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và xin hưởng mức án nhẹ nhất để có thể cải tạo tại địa phương và yên tâm chữa bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Bùi Văn Thiên là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự. Vào khoảng tháng 01/2017, Thiên đang là cán bộ phòng Nội vụ - Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn mặc dù không có nhiệm vụ, quyền hạn ký các Quyết định tuyển dụng công chức y tế cấp xã nhưng đã đưa ra thông tin về việc có đợt tổ chức thi công chức y tế cấp xã tại huyện Lạc Sơn vào tháng 02/2017 nhằm tạo lòng tin đối với Bùi Văn Thành để chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) của Thành.

Hành vi nêu trên của bị cáo Thiên đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức rõ sự nguy hiểm của hành vi của mình gây ra nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần phải có hình thức xử lý phù hợp thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục toàn bộ hậu quả đã gây ra; là người dân tộc thiểu số; **bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bản thân bị cáo khi còn công tác đạt nhiều thành tích, hiện đã có tuổi và nhiều bệnh tật.** Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] *Về hình phạt:*

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú rõ ràng, hiện bị cáo tuổi đã cao, sức khoẻ kém nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cần cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích và phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc diện kinh tế khó khăn, bệnh tật. HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bùi Văn Thiên đã đền bù số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì thêm; đại diện gia đình của bị cáo Thiên không yêu cầu bị cáo hoàn trả tiền đã trả cho bị hại do đó HĐXX không xem xét giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác. Về việc chấp hành hình phạt, xét điều kiện cụ thể của bị cáo cần cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[8] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Thiên phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn Thiên 27 (Hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 05/12/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của [Luật Thi hành án hình sự](#).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Hình sự: bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Nhân Nghĩa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Quyết Bùi Văn Ôn

Lê Thị Hồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Nhân Nghĩa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

Mẫu số 27-HS(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST
Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- *Thư ký phiên tòa:* Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*⁽⁷⁾.....*tham gia phiên tòa:*
 Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾
 xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: .../.../TLST-HS
 ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: .../.../QĐXXST-HS
 ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (bị cáo):
⁽¹¹⁾.....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....
 Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
 vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con
 ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con;⁽¹²⁾ tiền án....., tiền sự.....;
 nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....
 - *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*⁽¹⁴⁾
 Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề
 nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....
 - *Người bào chữa cho bị cáo:*⁽¹⁶⁾.....

 - *Bị hại:*⁽¹⁷⁾.....

 - *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*⁽¹⁸⁾.....

 - *Nguyên đơn dân sự:*⁽¹⁹⁾.....

 - *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*⁽²⁰⁾.....

 - *Bị đơn dân sự:*⁽²¹⁾.....

 - *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:*⁽²²⁾.....

 - *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²³⁾.....

 - *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ
 án:*⁽²⁴⁾.....

 - *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân
 sự,.....):*⁽²⁵⁾.....

 - *Người tham gia tố tụng khác:*⁽²⁶⁾.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....
.....
[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾
.....
(30)
.....
(31)
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Bùi Văn Ý phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn Ý 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587; 589 Bộ luật Dân sự, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa bị cáo và người bị hại. Cụ thể: Bị cáo Bùi Văn Ý bồi thường số tiền 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) cho bà Bùi Thị Loan.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về vật chứng: Căn cứ theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) con dao găm bằng kim loại, có tổng chiều dài 47cm, chuôi dao dài 16,5cm, phần lưỡi dao dài 30,5cm, phần lớn nhất của vỏ dao rộng 5,5cm, phần nhỏ nhất của vỏ dao rộng 2,5cm;

- 01 (một) chiếc Kết sắt nhãn hiệu VIỆT TIẾP, loại K40, số seri: 67422, màu sơn: Xanh - Vàng, cửa kết bị hư hỏng có nhiều vết cạy phá.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2023 giữa Công an huyện Lạc Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn.

4. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/NQ-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo Bùi Văn Ý phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.750.000đ án phí dân sự. Tổng cộng bị cáo phải chịu 4.950.000đ án phí.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Bùi Văn Ôn 2. Bùi Văn Quyết

Nguyễn Thị Thanh Hoa